

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/HNGĐ-ST
Ngày 5-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thanh;

Ông Nguyễn Văn Tư;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 210/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai không ghi ngày tháng, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn P trình bày:

Do mai mối, anh và chị Trần Thị Tuyết T tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Tuyết T.

- Về con chung: Anh và chị Trần Thị Tuyết T có 02 con chung tên Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 07/12/2009 và B, sinh ngày 03/11/2012, hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn con chung anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị Trần Thị Tuyết T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Trần Thị Tuyết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn chị Trần Thị Tuyết T cư trú: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa anh Lê Văn P và chị Trần Thị Tuyết T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Lê Văn P theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn chị Trần Thị Tuyết T nhưng chị Trần Thị Tuyết T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Tuyết T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Lê Văn P và chị Trần Thị Tuyết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/10/2009

tại Quyết định số 01/2009, đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Lê Văn P yêu cầu Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Khi anh Lê Văn P có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho chị Trần Thị Tuyết T nhưng chị Trần Thị Tuyết T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn P, tại phiên tòa chị Trần Thị Tuyết T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó đã cho thấy chị Trần Thị Tuyết T đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và anh Lê Văn P. Xét thấy, tình cảm và đời sống chung của vợ chồng của anh Lê Văn P và chị Trần Thị Tuyết T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho anh Lê Văn P được ly hôn với chị Trần Thị Tuyết T là phù hợp.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống anh Lê Văn P và chị Trần Thị Tuyết T có 02 con chung tên Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 07/12/2009 và Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 03/11/2012, hiện đang sống chung với anh Lê Văn P. Khi ly hôn con chung anh Lê Văn P yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị Trần Thị Tuyết T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại 02 cháu Lê Thị Quỳnh N và Lê Ngọc Như Y đang sống cùng anh Lê Văn P, cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, hiện tại anh Lê Văn P có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc tốt con chung. Mặt khác, tại các bản tự khai không ghi ngày tháng, cháu Lê Thị Quỳnh N và Lê Ngọc Như Y trình bày ý kiến có nguyện vọng được sống cùng anh Lê Văn P. Đối với chị Trần Thị Tuyết T từ khi vụ án thụ lý giải quyết cho đến khi xét xử cũng không có nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao cháu Lê Thị Quỳnh N và Lê Ngọc Như Y cho anh Lê Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Trần Thị Tuyết T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Văn P không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Văn P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh Lê Văn P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Văn P được ly hôn với chị Trần Thị Tuyết T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 07/12/2009 và Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 03/11/2012 cho anh Lê Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Tuyết T không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Lê Văn P không yêu cầu.

Chị Trần Thị Tuyết T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016015 ngày 07/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Kim Thúy